

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Tập Sơn - TAP SON HIGH SCHOOL.

2. Địa chỉ trụ sở chính: ấp Chợ xã Tập Sơn huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh.
Website:<http://thpttapson.sgdtravinh.edu.vn>Email:c3tapson@sgdtravinh.edu.vn.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục: (đính kèm chiến lược)

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

- Trường THPT Tập Sơn được thành lập theo Quyết định số 59/2005/QĐ-UBND ngày 29/9/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và đi vào hoạt động từ năm học 2005 - 2006. Khi thành lập, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học còn thiếu do đó đã ảnh hưởng không ít đến chất lượng dạy học và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Đến nay, được sự quan tâm của Đảng, chính quyền và Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

- Đến tháng 01 năm 2006 trường được chính thức thành lập với tên là trường Trung học phổ thông Tập Sơn. Sau khi được thành lập, thầy và trò Trường THPT Tập Sơn đã bắt tay vào việc xây dựng cơ sở vật chất. Được sự quan tâm của Sở GD&ĐT Trà Vinh, Huyện ủy, UBND huyện Trà Cú đầu tư và chỉ đạo cùng với sự nỗ lực rất lớn của tập thể giáo viên cùng nhau xây dựng môi trường Xanh - Sạch - Đẹp. Trong đó có sự quan tâm và nhiệt tình của tập thể lãnh đạo nhà trường, tập thể giáo viên, nhiều thế hệ học sinh và cha mẹ học sinh.

- Trường có tổng diện tích 7.900m², tọa lạc tại ấp Chợ, xã Tập Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ viên chức và HS nên chất lượng giáo dục được nâng cao hằng năm.

- Trong những năm vừa qua, Trường THPT Tập Sơn tỉnh Trà Vinh đã nỗ lực phấn đấu vươn lên, đạt được nhiều kết quả tốt trong dạy học và các hoạt động

giáo dục toàn diện cho học sinh. Chất lượng hai mặt giáo dục, giáo dục toàn diện cho học sinh luôn được giữ vững và từng bước được nâng lên. Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV) có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết thống nhất và có quyết tâm cao trong việc phấn đấu thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của ngành, của nhà trường đề ra. Sau khi thành lập trường với sự linh động trong tham mưu của lãnh đạo và sự quan tâm đầu tư của Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh, chính quyền địa phương đã xây dựng cơ sở vật chất (CSVCh) tương đối đầy đủ cho việc phục vụ dạy học. Trường được xây dựng 25 phòng học kiên cố, các phòng chức năng, nhà vệ sinh, hệ thống nước sạch được sử dụng tốt, đảm bảo cho hoạt động dạy học và các hoạt động khác.

- Nguồn tài chính đảm bảo cho nhà trường hoạt động gồm: Từ nguồn ngân sách cấp, nguồn kinh phí từ nguồn thu học phí, nguồn kinh phí thu hợp pháp khác từ nguồn xã hội hóa và sử dụng đúng mục đích góp phần hỗ trợ các hoạt động dạy học và các hoạt động khác trong nhà trường.

- Trong những năm học vừa qua, nhà trường đã triển khai đầy đủ, có chất lượng các hoạt động của ngành giáo dục, tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Với hơn 18 năm xây dựng và phát triển, trường đạt nhiều thành tích: tập thể lao động Tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc; trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và đạt chuẩn Quốc gia cấp độ 1 vào tháng 4 năm 2023.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Tăng Hoàng Triều.
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Ấp Chợ xã Tập Sơn huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh
- Số điện thoại: 0913138778; Cơ quan: 02943.879.128.
- Địa chỉ thư điện tử: triuth.c3ts@sgdtravinh.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Quyết định số 59/2005/QĐ-UBND ngày 29/9/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

đ) Quyết định thành lập.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Trường THPT Tập Sơn có tổng số cán bộ quản lý, viên chức của đơn vị là 71 người, trong đó có 03 cán bộ quản lý, 64 giáo viên và 04 nhân viên; Trường có chi bộ đảng có 40 đảng viên (trong đó có Bí thư, Phó Bí thư, 04 chi ủy viên và 34 đảng viên chính thức, 05 đảng viên dự bị).

Cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức của trường THPT Tập Sơn thể hiện qua sơ đồ sau

a. Giáo viên

TT	Tổ bộ môn	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	Tập sự	Trình độ			Ghi chú
		Tổng số	Nữ				Ths	ĐH	Khác	
1	Toán	9	1	3	9	0	1	8	/	
2	Lý	8	3	5	8		1	7	/	
3	Hóa- Sinh	10	4	7	10		3	7	/	
4	Văn	8	4	1	7	/	/	8	/	
5	Sử- Địa GDKT&PL	10	6	8	10	/	/	10	/	
6	Anh văn	6	5	3	6		2	4	/	
7	Thể chất- GDQP&AN	7	2	3	7			7	/	
8	Tin học- Công nghệ	6	2	3	6			6	/	
Tổng cộng		64	27	33	63		7	57	/	

b. Nhân viên

Tt	Tổ bộ môn	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Số cán bộ nhân viên			Ghi chú
		Tổng số	Nữ				Ths	ĐH	Khác	
1	CBQL	3		3	3		2	1		
2	Kế toán	1	1		1			1		
3	Thủ quỹ	1	1		1			1		Kiểm nhiệm
4	QTCS	1		1	1			1		

5	Văn thư	1	1			1			CD	
6	Thiết bị	1	1	1	1			1		
7	Thư viện	1	1	1	1			1		Kiểm nhiệm
8	Y tế	1	1	1	1			1		Kiểm nhiệm
9	Bảo vệ	1				1				
10	Phục vụ	2	2			2				Thời vụ
Tổng cộng		13	8	7	9	4	2	7		

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TTT	Số liệu	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập		35	
1	Phòng học		25	
a	Phòng kiên cố		25	
b	Phòng bán kiên cố		0	
c	Phòng tạm		0	
2	Phòng học bộ môn		7	
a	Phòng kiên cố		7	
b	Phòng bán kiên cố		0	
c	Phòng tạm		0	
3	Khối phục vụ học tập		3	

a	Phòng kiên cố		3	Phòng thiết bị giáo dục, phòng thư viện, phòng truyền thống, phòng y tế
b	Phòng bán kiên cố		0	
c	Phòng tạm		0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị		04	
1	Phòng kiên cố		15	Phòng: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, văn phòng, Công đoàn, bảo vệ, vệ sinh GV, NV
2	Phòng bán kiên cố		0	
3	Phòng tạm		0	
III	Thư viện		1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)		04	Phòng đa chức năng, phòng chờ giáo viên (2), khu vệ sinh học sinh (2 khu)
	Cộng		44	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1				X
Tiêu chí 1.2				X
Tiêu chí 1.3				X
Tiêu chí 1.4				X
Tiêu chí 1.5				X
Tiêu chí 1.6				X
Tiêu chí 1.7				X
Tiêu chí 1.8				X
Tiêu chí 1.9				X
Tiêu chí 1.10				X
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1				X
Tiêu chí 2.2				X
Tiêu chí 2.3				X
Tiêu chí 2.4				X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1				X
Tiêu chí 3.2				X
Tiêu chí 3.3				X
Tiêu chí 3.4				X
Tiêu chí 3.5				X
Tiêu chí 3.6				X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1				X
Tiêu chí 4.2				X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1				X
Tiêu chí 5.2				X
Tiêu chí 5.3				X
Tiêu chí 5.4				X
Tiêu chí 5.5				X

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5	X		

Kết luận: Nhà trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 247/QĐ-SGDĐT ngày 16 /3 /2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh

1.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường được công nhận Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 7/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2. Kế hoạch cải tiến.

2.1. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

2.1.1. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo: 03 người (01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng).
- Giáo viên: 64 người
- Nhân viên: 04 người (01 văn thư, 01 quản trị công sở; 01 kế toán; 01 thiết bị).
- Trình độ chuyên môn: Đại học 67/67 (tỷ lệ 100%); Thạc sĩ 11/67 (tỷ lệ 16.4%).
- Cơ cấu tổ chức trường được tổ chức thành 08 tổ chuyên môn, nghiệp vụ như sau:
 - + Tổ Ngữ văn – văn phòng: 08 người (01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó 06 GV Ngữ văn).
 - + Tổ Hóa học - Sinh học: 10 người (01 Tổ trưởng - Sinh học, 01 Tổ phó – Hóa học, 04 giáo viên Hóa học, 04 giáo viên Sinh học).
 - + Tổ Tiếng Anh: 06 người (01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 04 giáo viên Tiếng Anh).
 - + Tổ Toán: 09 người (01 Tổ trưởng - Toán, 01 tổ phó - Toán, 07 giáo viên.
 - + Tổ Công nghệ - Tin học: 06 người (01 Tổ trưởng – Toán- tin, 01 tổ phó - Công nghệ (01 kiêm nhiệm y tế), 02 giáo viên Tin học ,02 giáo viên công nghệ.
 - + Tổ Vật lý: 08 người (01 Tổ trưởng, 01 tổ phó và 06 giáo viên .
 - + Tổ Lịch sử- Địa lý – Giáo dục Kinh tế và pháp luật: 11 người (01 Tổ trưởng – Lịch sử, 01 tổ phó - GDKTPL, 04 giáo viên Địa lý (01 kiêm nhiệm thư viện), 02 giáo viên Lịch Sử và 02 giáo viên GDKTPL.
 - + Tổ GDTC và GDQPAN: 07 người (01 Tổ trưởng - GDTC, 01 tổ phó - GDQP, 01 giáo viên Quốc phòng, 04 giáo viên GDTC

2.1.2. Tình hình và kết quả tập huấn tăng cường năng lực cán bộ quản lý, giáo viên trong năm học 2024-2025

- Hằng năm Hiệu trưởng nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên và cán bộ quản lý, tất cả đều có chứng chỉ Tin học, Ngoại ngữ và đã hoàn thành chương trình Bồi dưỡng thường xuyên theo chương trình GDPT 2018.

- Những giáo viên thuộc của nhà trường diện quy hoạch các cấp đều được bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị – hành chính.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng: Nhà trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nhằm nâng cao trình độ, năng lực giảng dạy, năng lực quản lý. Việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với công tác quy hoạch cán bộ.

- Công tác bồi dưỡng thường xuyên: Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý, giáo viên hằng năm; có xác định cụ thể đối tượng, nội dung đào tạo, bồi dưỡng theo các Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT, Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT; trong kế hoạch có tổng hợp nội dung bồi dưỡng và số lượng người đăng ký. Kết quả 100% CBGV đã hoàn thành các nội dung đăng ký bồi dưỡng năm học 2024-2025.

- Tình hình phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên luôn được lãnh đạo nhà trường quan tâm về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác giảng dạy tại nhà trường. Công tác tập huấn của CBGV CNV luôn được quan tâm nhằm đáp ứng thực hiện tốt CTGDPT 2018.

2.1.3. Khó khăn, hạn chế và giải pháp thực hiện.

- Trường còn thiếu giáo viên môn âm nhạc. Thiếu nhân viên thư viện, y tế trường học. Số lượng sau đại học còn ít 11/67 chiếm chỉ 16.4%.

- Trường đã xây dựng kế hoạch báo cáo tổ chức sở GD và ĐT Trà Vinh tuyên thêm giáo viên và nhân viên nhà trường.

2.2. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu

- Nhà trường tăng cường trang bị mua sắm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu phục vụ đổi mới phương pháp dạy học để đáp ứng và thực hiện hiện tốt CTGDPT 2018

- Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn rà soát mua sắm các trang thiết bị phục vụ tốt cho giảng dạy chương trình GDPT 2028.

- Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo và kiểm tra việc khai thác sử dụng thiết bị dạy học hiện có của nhà trường. Việc sử dụng đồ dùng dạy học của giáo viên

trường nhằm đổi mới phương pháp dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tuy nhiên việc khai thác sử dụng thiết bị dạy học hiện có của nhà trường đôi lúc chưa đồng bộ. Một vài giáo viên còn chưa thường xuyên quan tâm đúng mức trong việc sử dụng thiết bị dạy học, cũng như khai thác sử dụng thiết bị dạy học. Thiết bị dạy học, học liệu để đáp ứng cho CTGDPT 2018 còn thiếu.

- Trong thời gian tới trường lãnh đạo trường tiếp tục chỉ đạo tổ chuyên môn, GVBM cần sử dụng khai thác hiệu quả đồ dùng dạy học và các học liệu có sẵn của nhà trường nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Xây dựng kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu nhằm đáp ứng tốt cho CTGDPT 2018.

2.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục

- Trường chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch số 23/KH-SGDDĐT ngày 8/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo, thực hiện chuyển đổi số Ngành giáo dục tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030

- Hiệu trưởng nhà trường đã ban hành Kế hoạch về thực hiện chuyển đổi số năm học 2024 – 2025, qua đó chỉ đạo toàn đơn vị cập nhật đầy đủ thông tin trên phần mềm quản lý trường học VnEdu.

- Đảm bảo cập nhật đầy đủ thông tin trên phần mềm quản lý trường học VnEdu, bao gồm: Thông tin nhà trường, lớp, thông tin giáo viên, thông tin học sinh, kết quả học tập. Dữ liệu của nhà trường phải được cập nhật thường xuyên.

- Thực hiện quy trình quản lý văn bản đi – đến của đơn vị trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành I-Office, đảm bảo:

- + 100% văn bản được phát hành đi của nhà trường là văn bản điện tử và được lưu trữ trên phần mềm hệ thống quản lý văn bản và điều hành iOffice. (kể cả các văn bản được phát hành nội bộ).

- + 100% văn bản được gửi đến đơn vị được lưu trữ đầy đủ trên hệ thống; phân công cá nhân phụ trách thực hiện nhiệm vụ trên hệ thống iOffice.

- Thực hiện các loại sổ sách, hồ sơ điện tử: giáo án, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, sổ liên lạc điện tử, các loại sổ, hồ sơ điện tử được in ra từ phần mềm quản lý trường học.

- Tập trung thực hiện các quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP quy định chi tiết về công tác văn thư và quản lý nhà nước về công tác văn thư gồm: soạn thảo, ký ban hành văn bản; quản lý văn bản; lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài

liệu vào Lưu trữ cơ quan; quản lý và sử dụng con dấu, thiết bị lưu khóa bí mật (chữ ký số điện tử của đơn vị) trong công tác văn thư.

- Tuy nhiên hiện nay việc chuyển đổi số nhà trường thực hiện chưa đồng bộ.

- Trong năm học 2024-2025 trường đã tổ chức thực hiện đồng bộ về việc ban hành Quy định quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống phần mềm VnEdu và sử dụng các loại hồ sơ, sổ sách điện tử. Thống nhất từ năm học 2024-2025 thực hiện các loại hồ sơ, sổ sách điện tử sau:

+ Đối với nhà trường: Học bạ học sinh; Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học); Kế hoạch giáo dục của nhà trường; học bạ số lớp 10 và 11.

+ Đối với tổ chuyên môn: Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn

+ Đối với giáo viên: Kế hoạch giáo dục của giáo viên; Kế hoạch bài dạy; Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (sổ điểm cá nhân)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

Hiệu trưởng nhà trường triển khai đầy đủ các văn bản có liên quan như:

- Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018;

- Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Công văn 1931/SGDĐT-GDTrH ngày 31/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo định hướng CTGDPT 2018;

- Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 (điều chỉnh theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022),

- Công văn 666/SGDĐT-GDTrH ngày 29/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023;

- Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên;

- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh THCS, THPT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của giáo dục và Đào Tạo

- Các môn học, hoạt động giáo dục được bố trí tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu dạy và học. Chương trình GDPT 2018 khi bố trí dạy các môn học nhà trường có cân nhắc giữa các môn, tư vấn cho học sinh khá hợp lý và cũng đảm bảo với nhân sự hiện có của trường. Giáo viên dạy được tập huấn SGK đầy đủ.

- Lãnh đạo trường chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình của từng môn học, hoạt động giáo dục bảo đảm thời lượng quy định trong chương trình và bố trí dạy học trong mỗi học kỳ một cách hợp lý. Tô trưởng CM rà soát, xây dựng kế hoạch thực hiện đúng theo hướng dẫn của Sở, Bộ GD, có ký duyệt của TTCM, lãnh đạo trường.

- Chỉ đạo tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; công tác tư vấn tâm lý cho HS phổ thông công tác xã hội trong trường học.

1.2.1. Môn Khoa học tự nhiên

Các tổ hợp khoa học tự nhiên khối 10,11,12 lãnh đạo nhà trường phân công công giáo viên đảm nhiệm giảng dạy hợp lí phù hợp đặc thù bộ môn và sở trường của từng giáo viên.

1.2.2. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

a/ Thuận lợi

*** Đối với giáo viên:**

- Được tập huấn trực tuyến nội dung SGK với tác giả biên soạn sách. Được dự 01 tiết dạy mẫu trực tuyến và có sự hướng dẫn của giáo viên.

- Giáo viên có đầy đủ SGK; soạn giảng đầy đủ; giáo viên có thể tổ chức tiết dạy theo hướng đổi mới sáng tạo (cho học sinh hóa thân vào vai diễn nhân vật tình huống), giúp tiết học có phần sinh động hơn.

*** Đối với học sinh:**

- Phát huy được tính tích cực, chủ động của học sinh; Các em rèn luyện được sự tự tin khi trình bày chính kiến, suy nghĩ và chia sẻ cảm nghĩ của mình trước tập thể lớp.

- Được trải nghiệm thông qua các hoạt động phong phú, đa dạng.

*** Về sách giáo khoa:** Các chủ đề phù hợp với lứa tuổi học sinh. Nội dung phong phú, gắn với thực tế cuộc sống.

b/ Khó khăn,

- Năng lực của giáo viên đối với việc tổ chức các hoạt động cho học sinh vẫn còn hạn chế, cách thức tổ chức chưa khoa học nên đôi khi chưa phát huy đồng loạt tính tích cực, chủ động trong học sinh.

- Một số HĐ khó thực hiện như đi tham quan các mô hình sản xuất, các làng nghề....

- Học sinh chưa có sự đồng đều trong việc thực hiện nhiệm vụ, một số vẫn còn thụ động, ít tham gia vào các hoạt động mang tính tập thể làm việc nhóm, đại diện nhóm trình bày kết quả, e dè trong việc hóa thân vào nhân vật tình huống.

c/ Nguyên nhân

- Đây là nội dung mới, giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm; thời gian tập huấn ít, giáo viên chưa được học hỏi nhiều về nghiệp vụ tổ chức các hoạt động trải nghiệm.

- Điều kiện thời gian, kinh phí hạn chế.

- Học sinh còn xem nhẹ đối với HĐ này, xem giống như môn phụ, một bộ phận ít quan tâm, không chú ý khi được GV giao việc và phân công nhiệm vụ cho từng chủ đề trong các tháng.

d/ Giải pháp đã thực hiện:

- Bản thân giáo viên không ngừng nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm đồng nghiệp để tổ chức các HĐ tốt hơn.

- Xây dựng KH cụ thể tùy theo đk thực tế trường lớp mà tổ chức các HĐ ngoại khóa có chất lượng, hiệu quả (tham mưu với lãnh đạo trường; phối hợp tốt với GVCN, đoàn thể, PHHS để có sự hỗ trợ tốt).

- GV phân tích kĩ cho học sinh thấy được lợi ích của HĐ trải nghiệm; tạo hứng thú cho HS trong học tập; khi giao nhiệm vụ cho HS cần có sự chuẩn bị chu đáo, công việc cụ thể; hướng dẫn kĩ, có kiểm tra, đánh giá theo dõi sát sao

1.2.3. Nội dung giáo dục của địa phương

Lãnh đạo trường thực hiện phân công giáo viên đảm nhận các nội dung phù hợp với chuyên môn của giáo viên xếp trên TKB chính khóa. Xây dựng kế hoạch dạy học các chủ đề/bài học Nội dung giáo dục của địa phương phù hợp với kế hoạch dạy học các môn học có nội dung liên quan. Năm học 2024 – 2025 nhà trường đã thực hiện giảng dạy nội dung GDĐP ở 3 khối đúng theo quy định

1.2.4. Môn Lịch sử và Địa lí

- Năm học 2024-2025 tất cả 3 khối lớp đều học môn Lịch Sử. Lớp 12 có 8 lớp chọn học Địa lí; khối 11 có 5 lớp học môn Địa lí; khối 10 có 5 lớp học Địa lí

- Thực hiện phân công dạy môn Lịch sử và địa lí đúng theo quy định.

1.2.5. Đối với việc tổ chức dạy học các môn học lựa chọn và các chuyên đề học tập lựa chọn cấp Trung học phổ thông

- Năm học 2024-2025 khối 10 của trường ngoài các môn học và các hoạt động bắt buộc thì các môn học khác học sinh tự chọn chia làm nhóm tự nhiên 1,2 và nhóm khoa học xã hội.

- Năm học 2024-2025, trường có 10 lớp 10 được bố trí như sau:

+ Nhóm các môn tự chọn thuộc lĩnh vực KHTN:

Môn bắt buộc	Môn tự chọn				Số lớp	Chuyên đề học tập		
Văn, Toán, Tiếng Anh, Lịch sử, GDTC, GDQPAN, GDĐP; HĐ	Lý	Hóa	Sinh	Tin học	3	Toán	Hóa	Sinh
	Lý	Hóa	Sinh	CN	3	Toán	Lý	Sinh

trải nghiệm – hướng nghiệp								
+ Nhóm các môn tự chọn thuộc lĩnh vực KHXH:								
Môn bắt buộc	Môn tự chọn				Số lớp	Chuyên đề học tập		
Văn, Toán, Tiếng Anh, Lịch sử, GDTC, GDQPAN, GDĐP; HĐ trải nghiệm – hướng nghiệp	Địa	GDKTPL	V.Lý	Tin học	2	Văn	Sử	Địa
	Địa	GDKTPL	CN	Tin	1	Toán	Văn	Sử

- Đối với môn Giáo dục thể chất nhà trường chọn môn Cầu lông và Bóng chuyền để giảng dạy; các môn còn lại do điều kiện cơ sở vật chất chưa đảm bảo nên không tổ chức. Nhà trường không tổ chức dạy các môn như: Âm nhạc, Mỹ thuật; do chưa có giáo viên.

- Năm học 2024-2025 khối 11 cơ bản đối với việc tổ chức dạy học các môn học lựa chọn và các chuyên đề học tập lựa chọn cấp Trung học phổ thông giống như năm học 2023-2024.

- Năm học 2024-2025 cả 03 khối 10,11,12 đều thực hiện tốt và đầy đủ các hoạt động: Trải nghiệm, hướng nghiệp (105 tiết) và nội dung giáo dục địa phương.

- Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo đoàn thể nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học trong các tiết chào cờ hàng tuần cho học sinh khối 10,11,12 được 12 cuộc với trên 14.604 lượt học sinh tham gia. Công tác tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông; công tác xã hội trong trường học được đoàn trường triển khai thực hiện tốt.

- Phân công công tổ GDKT và PL thực hiện dạy giáo dục tích hợp các nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục phòng chống tham nhũng và đạo đức liêm chính, phòng chống ma túy trong trường học; giáo dục quyền con người; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường được 35 cuộc với hơn 100 lượt học sinh tham gia.

- Phân công tổ Sử - Địa lồng ghép giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai cho học sinh khối 10,11,12 thông qua các tiết học với trên 1200 học sinh tham gia học tập.

- Phối hợp công an tỉnh, huyện thường xuyên tổ chức giáo dục an toàn giao thông cho học sinh trường để các em chấp hành tốt luật ATGT được 5 cuộc với hơn 6.085 lượt học sinh tham gia. Đoàn trường, GVCN cho các em thực hiện cam kết không vi phạm luật ATGT. Đoàn trường thường xuyên tổ chức tuyên truyền trên sân cờ được 17 cuộc với trên 20.689 lượt học sinh tham gia.

- Nhà trường thường xuyên tổ chức hoạt động thể dục, thể thao để các em học sinh tham gia nhân các ngày lễ lớn của đất nước. Trường tổ chức giải bóng chuyền nam-nữ nhân ngày 20/11 có 32 chi đoàn tham gia. Tổ chức giải thi đấu cầu lông có 32 chi đoàn lớp tham gia. Tham gia hội thao cấp tỉnh có 01 học sinh đạt HCV, HCD bơi lội. Tăng cường cơ sở vật chất, nhà rèn luyện thể chất, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trường học: trường chưa có đủ các trang thiết bị phục vụ giáo dục thể chất và trang thiết bị trường học. Trường sửa chữa lại 1 sân bóng chuyền; bổ sung thêm 3 sân cầu lông, trường có 1 bàn bóng bàn để GV và học sinh tập luyện vui chơi giải trí.

- Thực hiện tốt giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật. Trường có 01 em khuyết tật theo dạng khuyết vận động

3. Đổi mới phương pháp dạy học

3.1. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện các phương pháp dạy học phát triển phẩm chất năng lực học sinh theo yêu cầu chương trình 2018.

*Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, thường xuyên của sở GD và ĐT Trà Vinh, sự quan tâm của chính quyền địa phương xã và lãnh đạo UBND, huyện ủy Trà Cú

- Lực lượng giáo viên trẻ, đa số đều nhiệt tình, tự giác trong khi tham gia các hoạt động giáo dục nhất là thực hiện chương trình GDPT 2018.

- Tất cả giáo viên tham gia giảng dạy CTGDPT 2018 đều hoàn thành chương trình tập huấn

- 100% học sinh k10,11, 12 đã có đủ sách để học.

- Năm học 2024-2025 thực hiện Chương trình GDPT 2018 đúng theo công văn chỉ đạo của Bộ GD và sở GD và ĐT Trà Vinh.

- Kết quả của việc thực hiện các phương pháp dạy học phát triển phẩm chất năng lực học sinh theo yêu cầu chương trình 2018.

+ Việc tổ chức giảng dạy của giáo viên theo CTGDPT 2018 được thực hiện đúng theo quy định. Giáo viên giảng dạy có năng lực chuyên môn tốt vững vàng, nhiệt tình, năng động có tinh thần trách nhiệm cao, có nhiều giải pháp để xây dựng tổ chức tốt các hoạt động giáo dục theo chương trình GDPT 2018.

+ Đa số học sinh đều tích cực chủ động trong học tập, trong các tiết học các em chủ động tích cực làm việc nhóm xây dựng bài học

+ Năm học 2024-2025 giáo viên đẩy mạnh thực hiện các phương pháp dạy học phát triển phẩm chất năng lực học sinh theo yêu cầu chương trình 2018 nên tỉ lệ học sinh xếp loại đạt trở lên chiếm tỉ lệ 100%. (biểu mẫu kèm theo)

4. Đổi mới phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

4.1. Thực hiện đổi mới phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá.

Thực hiện đúng theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT); xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình GDPT 2018.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Các tổ CM xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kì các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số. Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét, khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục.

- Việc đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá các môn học phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

- + Đối với môn Ngữ văn, tiếp tục thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT đối với lớp 10 và lớp 11; khuyến khích giáo viên vận dụng kiểm tra, đánh giá theo Công văn này đối với khối lớp 12.

- + Đối với môn Lịch sử, tăng cường các câu hỏi nhằm khai thác, sử dụng các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ; câu hỏi mở tạo điều kiện cho học sinh tự biểu đạt chính kiến của mình về các vấn đề lịch sử, hướng tới đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh, khắc phục tình trạng ghi nhớ sự kiện, ngày tháng, địa điểm, số liệu... một cách máy móc.

- Việc kiểm tra, đánh giá cụm chuyên đề học tập lựa chọn của cấp Trung học phổ thông được thực hiện theo khoản 3, Điều 6 tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi nhận vào *Sổ theo dõi và đánh giá học sinh* thuộc học kì khi kết thúc dạy học cụm chuyên đề học tập.

- Đối với học sinh chuyển đổi môn học thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 68/BGDĐT-GDTrH ngày 06/01/2023 của Bộ GDĐT. Nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá việc tự bổ sung kiến thức, kỹ năng của học sinh theo nội dung, yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình môn học tính đến thời điểm kiểm tra và được thực hiện tương tự như bài kiểm tra, đánh giá định kì. Kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh, tại cột *Ghi chú* của môn học, thuộc học kì II

- Về việc kiểm tra, đánh giá lại theo quy định Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, học sinh chưa đủ điều kiện lên lớp có quyền được đánh giá lại đối với các môn học chưa đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 14. Trường hợp học sinh không có nguyện vọng được đánh giá lại tất cả các môn học chưa đạt yêu cầu thì nhà trường có thể cho học sinh được lựa chọn số môn học để được đánh giá lại và sử dụng kết quả đánh giá lại để xét lên lớp theo quy định tại Điều 12 của Thông tư.

- Nhìn chung tác triển khai Đổi mới phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá được đa số giáo viên đồng tình thực hiện. Lực lượng giáo viên trẻ, đa số đều nhiệt tình, tự giác trong khi tham gia các hoạt động giáo dục nhất là thực hiện chương trình GDPT 2018. Đa số học sinh tích cực chủ động tham gia tích cực trong phát biểu xây dựng bài học. Bên cạnh đó việc giảng dạy theo chương trình 2018 một vài giáo viên còn lung túng mất nhiều thời gian cho khâu tổ chức truyền đạt kiến thức cho học sinh. Một số học sinh chưa quen với phương pháp dạy mới, chưa quan về cách thức tổ chức thực hiện theo CTGDPT 2018. 4.2. Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng và sử dụng ngân hàng câu hỏi, bài tập phục vụ việc dạy học và kiểm tra đánh giá theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Năm học 2024-2025 tất cả các môn khoa học tự nhiên đều xây dựng ngân hàng câu hỏi nhằm phục vụ cho kiểm tra cuối học kì.

4.3 Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh năm học 2024-2025.

- Kết quả học tập của học sinh

STT	LỚP	SĨ SỐ	TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT		SỐ HS CHƯA TK
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
TỔNG CỘNG		1207	385	31,90%	590	48,88%	231	19,14%	0	0,00%	
Khối 10		388	123	31,70%	162	41,75%	102	26,29%	0	0,00%	0
1	10A1	40	36	90,00%	3	7,50%	1	2,50%	0	0,00%	
2	10A2	38	24	63,16%	11	28,95%	3	7,89%	0	0,00%	
3	10A3	37	15	40,54%	17	45,95%	5	13,51%	0	0,00%	
4	10A4	41	23	56,10%	17	41,46%	1	2,44%	0	0,00%	
5	10A5	36	3	8,33%	16	44,44%	17	47,22%	0	0,00%	
6	10A6	41	1	2,44%	25	60,98%	15	36,59%	0	0,00%	
7	10A7	42	14	33,33%	27	64,29%	1	2,38%	0	0,00%	
8	10A8	39	1	2,56%	23	58,97%	15	38,46%	0	0,00%	
9	10A9	38	2	5,13%	13	33,33%	23	58,97%	0	0,00%	
10	10A10	35	4	11,43%	10	28,57%	21	60,00%	0	0,00%	
Khối 11		359	94	26,18%	190	52,92%	75	20,89%	0	0,00%	0
11	11A1	33	15	45,45%	14	42,42%	4	12,12%	0	0,00%	
12	11A2	30	16	53,33%	12	40,00%	2	6,67%	0	0,00%	
13	11A3	32	16	50,00%	12	37,50%	4	12,50%	0	0,00%	
14	11A4	40	11	27,50%	23	57,50%	6	15,00%	0	0,00%	
15	11A5	40	11	27,50%	14	35,00%	15	37,50%	0	0,00%	
16	11A6	37	3	8,11%	30	81,08%	4	10,81%	0	0,00%	
17	11A7	39	3	7,69%	31	79,49%	5	12,82%	0	0,00%	
18	11A8	37	7	18,92%	17	45,95%	13	35,14%	0	0,00%	
19	11A9	36	7	19,44%	21	58,33%	8	22,22%	0	0,00%	
20	11A10	35	5	14,29%	16	45,71%	14	40,00%	0	0,00%	
Khối 12		460	168	36,52%	238	51,74%	54	11,74%	0	0,00%	0
21	12A1	37	26	70,27%	10	27,03%	1	2,70%	0	0,00%	
22	12A2	39	21	53,85%	12	30,77%	6	15,38%	0	0,00%	
23	12A3	40	17	42,50%	20	50,00%	3	7,50%	0	0,00%	
24	12A4	37	15	40,54%	18	48,65%	4	10,81%	0	0,00%	

25	12A5	42	29	69,05%	7	16,67%	6	14,29%	0	0,00%	
26	12A6	39	13	33,33%	26	66,67%	0	0,00%	0	0,00%	
27	12A7	38	6	15,79%	30	78,95%	2	5,26%	0	0,00%	
28	12A8	34	10	29,41%	24	70,59%	0	0,00%	0	0,00%	
29	12A9	36	11	30,56%	19	52,78%	6	16,67%	0	0,00%	
30	12A10	32	12	37,50%	15	46,88%	5	15,63%	0	0,00%	
31	12A11	43	0	0,00%	27	62,79%	16	37,21%	0	0,00%	
32	12A12	43	8	18,60%	30	69,77%	5	11,63%	0	0,00%	

So với năm học 2023-2024 kết quả học tập học xếp loại khá, tốt khối 10,11 tăng 8, 51% (năm 2023-2024 chiếm 63,99%; năm học 2024-2025 chiếm 72,5%; trong đó loại tốt tăng 9%).

- Khối 12 học sinh xếp loại tốt tăng so với năm học 2023-2024 là 4,19% (năm 2023-2024 chiếm 32,33%; năm học 2024-2025 chiếm 36,52%). Học sinh khá tăng 0,93% (năm học 2023-2024 chiếm 50,81%; năm học 2024-2025 chiếm 51,74%)

- Năm học 2024-2025 lớp 10,11 lên lớp 100% (năm học 2023-2024 chưa đạt 03 học sinh chiếm 0,65%)

- Kết quả rèn luyện.

So với năm học 2023-2024 hạnh kiểm tốt khối 10,11 tăng 2,28 (năm 2023-2024 chiếm 96,15%; năm học 2024-2025 chiếm 98,43%).

So với năm học 2023-2024 hạnh kiểm tốt khối 12 tăng 3,9% (năm 2023-2024 chiếm 96,08%; năm học 2024-2025 chiếm 100%).

5. Lựa chọn, cung ứng sách giáo khoa

Thực hiện đầy đủ đúng theo quy định đảm bảo SGK cho học sinh và giáo viên.

6. Công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh

- Nhà trường luôn chú trọng công tác tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh thông qua các HĐ ngoại khoá.

- Trong năm 2024-2025, nhà trường triển khai các văn bản của cấp trên; Tiếp tục phối hợp với các trường Trung cấp, Cao Đẳng nghề trong và ngoài tỉnh thực hiện tư vấn định hướng cho học sinh lớp 12. Số lượng học sinh hàng năm tham gia trên 80%

- Trong các năm học công tác hướng nghiệp được chú trọng, học sinh được các trường Đại học rất quan tâm, gặp gỡ, tư vấn trực tiếp. Nhà trường có tổ chức cho học sinh đi tham quan, tham gia tư vấn hướng nghiệp do các trường Đại học tổ chức.

- Trường có xây dựng Kế hoạch thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh 03 khối 10, 11 và 12 .

- Giáo viên dạy hướng nghiệp có soạn giáo án, ký duyệt đầy đủ theo quy định.

- Có xây dựng Kế hoạch tổ chức cho học sinh tham quan, tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp, tham dự ngày Hội tư vấn hướng nghiệp – tuyển sinh tại các

trường ĐH Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh. Năm học 2024-2025 có trên 260 học sinh tham gia tư vấn tuyển sinh tại cần thơ.

- Tham gia tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh đi du học Đài Loan, Nhật Bản, Đức được 11 cuộc có trên 5.060 lượt học sinh tham gia.

- Tuyển sinh năm học 2024-2025 lớp 10 hàng năm, trường lấy từ 75%. Số còn lại không trúng tuyển học sinh sẽ sang học Trung tâm GDTX huyện Trà Cú. Năm học 2024-2025 trường tuyển sinh 388 học sinh.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Báo cáo số liệu thu - chi tài chính năm trước liền kề năm báo cáo

TT	NỘI DUNG	SỐ THỰC HIỆN NĂM 2024	SỐ THỰC HIỆN NĂM 2023
I	Học phí		
	-Số dư kỳ trước chuyển sang	195.646.044	108.437.190
	-Tổng số thu trong năm	361.424.000	371.548.800
	-Số kinh phí được để lại sử dụng trong năm	557.070.044	479.985.990
	-Số thực sử dụng đề nghị quyết toán	400.875.746	284.339.946
	Trong đó số đã nộp thuế	14.553.856	-
	-Số để lại chuyển kỳ sau	156.194.298	195.646.044
II	Nguồn thu từ dạy thêm, học thêm		
	-Số dư kỳ trước chuyển sang	75.988.650	-
	-Tổng số thu trong năm	1.408.032.500	1.232.382.000
	-Số kinh phí được để lại sử dụng trong năm	1.484.021.150	1.232.382.000
	-Số thực sử dụng đề nghị quyết toán	1.375.937.551	1.156.393.350
	Trong đó số đã nộp thuế	45.872.850	6.935.440
	-Số để lại chuyển kỳ sau	108.083.599	75.988.650
III	Nguồn Căng tin		

	-Số dư kỳ trước chuyển sang	66.400.000	14.400.000
	-Tổng số thu trong năm	76.000.000	56.000.000
	-Số kinh phí được để lại sử dụng trong năm	142.400.000	70.400.000
	-Số thực sử dụng đề nghị quyết toán	112.000.000	4.000.000
	Trong đó:		
	+ Số nộp thuế	7.600.000	4.000.000
	+Số nộp ngân sách	91.440.000	-
	-Số để lại chuyển kỳ sau	30.400.000	66.400.000
IV	Nguồn Chăm sóc sức khỏe ban đầu		
	-Số dư kỳ trước chuyển sang	-	-
	-Tổng số thu trong năm	31.681.108	30.318.214
	-Số kinh phí được để lại sử dụng trong năm	31.681.108	30.318.214
	-Số thực sử dụng đề nghị quyết toán	18.104.332	30.318.214
	-Số để lại chuyển kỳ sau	13.576.776	-
V	Nguồn ngân sách nhà nước cấp		
1	Kinh phí chi thường xuyên (giao tự chủ)		
	-Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	114.090.339	107.123.930
	-Dự toán được giao trong năm	14.735.316.760	12.367.845.000
	+Dự toán giao đầu năm	13.552.781.000	10.225.872.000
	+Dự toán bổ sung trong năm	1.679.735.000	2.141.973.000
	+Dự toán giảm trong năm	497.199.240	-
	-Số kinh phí thực nhận trong năm	14.755.742.532	12.474.968.930

	-Số kinh phí đề nghị quyết toán	14.755.742.532	12.360.878.591
	-Số kinh phí giảm trong năm	53.106.148	
	-Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng	40.558.419	114.090.339
	+Kinh phí đã nhận	-	-
	+Dự toán còn dư ở kho bạc	40.558.419	114.090.339
2	Kinh phí giao không tự chủ		
	-Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	-	1.334.000
	-Dự toán được giao trong năm	1.201.929.840	471.312.000
	+Dự toán giao đầu năm	817.962.000	727.585.000
	+Dự toán bổ sung trong năm	424.786.840	-
	+Dự toán giảm trong năm	40.819.000	256.273.000
	-Số kinh phí thực nhận trong năm	1.034.127.396	472.646.000
	-Số kinh phí đề nghị quyết toán	1.034.127.396	141.514.584
	-Số kinh phí giảm trong năm	-	-
	-Số dư kinh phí hủy	167.802.444	331.131.416
	+Kinh phí đã nhận	-	-
	+Dự toán còn dư ở kho bạc	167.802.444	331.131.416
	-Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng	-	-
	+Kinh phí đã nhận	-	-
	+Dự toán còn dư ở kho bạc	-	-

2. Chi tiết kinh phí quyết toán năm 2024

2.1	NGUỒN HỌC PHÍ	
------------	----------------------	--

Tiểu mục	Nội dung	Số tiền
1052	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	14.553.856
6001	Lương theo ngạch, bậc	171.098.057
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	41.137.505
6301	Bảo hiểm xã hội	7.199.060
6302	Bảo hiểm y tế	1.234.125
6303	Kinh phí công đoàn	823.500
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	411.375
6551	Văn phòng phẩm	1.288.000
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	15.825.000
6599	Vật tư văn phòng khác	50.532.960
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	9.028.308
6702	Phụ cấp công tác phí	7.560.000
6703	Tiền thuê phòng ngủ	1.400.000
6757	Thuê lao động trong nước	8.000.000
6905	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	3.500.000
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	20.373.000
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	8.636.000
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	38.275.000
	Tổng cộng	400.875.746
2.2	NGUỒN THU TỪ DẠY THÊM, HỌC THÊM	
Tiểu mục	Nội dung	Số tiền

1052	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	45.872.850
6449	Chi khác	1.323.174.301
6921	Đường điện, cấp thoát nước	6.890.400
	Tổng cộng	1.375.937.551
2.3	NGUỒN THU TỪ CHO THUÊ CĂN TIN	
Tiểu mục	Nội dung	Số tiền
1052	Nộp thuế TNDN	3.800.000
1701	Nộp thuế GTGT	3.800.000
4949	Chi nộp NSNN	91.440.000
6001	Chi lương theo ngạch bậc (cải cách tiền lương)	12.960.000
	Tổng cộng	112.000.000
2.4	NGUỒN CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU	
Tiểu mục	Nội dung	Số tiền
6254	Chi mua thuốc, vật tư y tế	2.205.500
7001	Chi photocopy sổ theo dõi sức khỏe học sinh, xà phòng rửa tay	6.394.500
7799	Chi khám sức khỏe định kỳ cho học sinh	9.504.332
	Tổng cộng	18.104.332
	2.5. NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP	
2.5.1	Kinh phí chi thường xuyên (giao tự chủ)	
Tiểu mục	Nội dung	Số tiền
6001	Lương theo ngạch, bậc	7.005.272.902
6101	Phụ cấp chức vụ	124.200.000
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	43.256.882

6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	1.296.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	2.170.439.156
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	22.509.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	1.393.910.626
6149	Phụ cấp khác	4.860.000
6299	Tiền y tế trong các cơ quan, đơn vị	16.328.492
6301	Bảo hiểm xã hội	1.528.328.604
6302	Bảo hiểm y tế	261.952.796
6303	Kinh phí công đoàn	174.112.355
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	87.520.577
6404	Chi thu nhập tăng thêm	450.000.000
6501	Tiền điện	89.876.049
6502	Tiền nước	1.792.089
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	7.659.000
6551	Văn phòng phẩm	11.229.600
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	67.231.000
6553	Khoản văn phòng phẩm	34.745.000
6599	Vật tư văn phòng khác	36.670.760
6601	Cước phí điện thoại	686.460
6605	Cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	31.248.645
6608	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	853.800
6699	Khác	1.420.000

6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	149.506.546
6702	Phụ cấp công tác phí	95.640.000
6703	Tiền thuê phòng ngủ	22.500.000
6704	Khoán công tác phí	20.100.000
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	12.500.000
6757	Thuê lao động trong nước	96.140.000
6799	Chi phí thuê mướn khác	9.741.200
6905	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	22.712.900
6907	Nhà cửa	217.039.058
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	30.500.000
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	23.099.000
6921	Đường điện, cấp thoát nước	64.486.000
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	63.037.815
6954	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	45.510.000
6955	Tài sản và thiết bị văn phòng	12.012.000
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	77.650.504
7004	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	1.483.000
7049	Chi khác	99.252.000
7761	Chi tiếp khách	1.192.800
7799	Chi các khoản khác	79.527.916
7854	Chi phụ cấp cấp ủy	44.712.000
	Tổng cộng	14.755.742.532

2.5.1	Kinh phí giao không tự chủ	
Tiểu mục	Nội dung	Số tiền
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	17.857.935
6149	Phụ cấp khác	11.858.400
6199	Các khoản hỗ trợ khác	143.640.000
6249	Thưởng đột xuất	403.593.725
6449	Chi khác	66.236.400
6907	Sửa chữa nhà cửa	372.554.936
7004	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	13.106.000
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	5.280.000
	Tổng cộng	1.034.127.396

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Về hồ sơ, sổ sách trong nhà trường

- Đảm bảo cập nhật đầy đủ thông tin trên phần mềm quản lý trường học-VnEdu, bao gồm: thông tin nhà trường, lớp, thông tin giáo viên, thông tin học sinh, kết

+ 100% văn bản được phát hành đi của nhà trường là văn bản điện tử và được lưu trữ trên phần mềm hệ thống quản lý văn bản và điều hành iOffice. (kể cả các văn bản được phát hành nội bộ).

+ 100% văn bản được gửi đến đơn vị được lưu trữ đầy đủ trên hệ thống; phân công cá nhân phụ trách thực hiện nhiệm vụ trên hệ thống iOffice.

- Thực hiện các loại sổ sách, hồ sơ điện tử: giáo án, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, sổ liên lạc điện tử, các loại sổ, hồ sơ điện tử được in ra từ phần mềm quản lý trường học

- Tập trung thực hiện các quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP quy định chi tiết về công tác văn thư và quản lý nhà nước về công tác văn thư gồm: soạn thảo, ký ban hành văn bản; quản lý văn bản; lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài

liệu vào Lưu trữ cơ quan; quản lý và sử dụng con dấu, thiết bị lưu khóa bí mật (chữ ký số điện tử của đơn vị) trong công tác văn thư

- Trong năm học 2024-2025 trường tiếp tục tổ chức thực hiện đồng bộ về việc ban hành Quy định quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống phần mềm VnEdu và sử dụng các loại hồ sơ, sổ sách điện tử. Thống nhất từ năm học 2023-2024 thực hiện các loại hồ sơ, sổ sách điện tử sau:

+ Đối với nhà trường: Học bạ học sinh; Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học); Kế hoạch giáo dục của nhà trường

+ Đối với tổ chuyên môn: Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn

+ Đối với giáo viên: Kế hoạch giáo dục của giáo viên; Kế hoạch bài dạy; Sổ theo dõi và đánh giá học sinh

- Việc sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, cập nhật và sử dụng dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên giúp cho công tác quản lý tiện lợi và hiệu quả nhiều hơn so với trước đây.

- Chỉ đạo việc thực hiện tốt tinh giảm hồ sơ, sổ sách trong nhà trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho GV và thực hiện hiệu quả trong công tác quản lý.

2. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm

- Báo cáo về việc tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường: Khối 12 số môn học gồm Toán, Văn, Tiếng Anh, Lý, Hóa, Sinh, Sử, Địa, GDCD. Tổng số học sinh đăng ký học 460 học sinh. Nội dung ôn tập lại những kiến thức trọng tâm của từng môn học, rèn luyện kỹ năng làm bài với đặc thù bộ môn. Trường tổ chức dạy trái buổi cho học sinh 12. BGH trường chỉ đạo GVBM trong quá trình dạy thêm cần phân loại học sinh và chú ý nhiều những học sinh yếu, kém. Đối với khối 10,11 tổ chức dạy thêm môn Toán, Văn và Tiếng anh

- Nhà trường đã tổ chức quán triệt các văn bản hướng dẫn về dạy thêm, học thêm đến tất cả giáo viên của nhà trường thực hiện tốt hướng dẫn thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm của UBND tỉnh Trà Vinh

- Tất cả giáo viên của nhà trường đã chấp hành tốt các quy định về dạy thêm, học thêm. Không có trường hợp nào tổ chức dạy thêm trái quy định. Việc tổ chức dạy thêm trong nhà trường được thực hiện đúng theo quy định như: Nhà trường thực hiện đầy đủ việc xin phép và được cấp giấy phép dạy thêm từ Sở GD&ĐT Trà Vinh. Không có hiện tượng ép buộc học sinh học thêm. Việc dạy thêm được thực hiện trái buổi. Cho giáo viên thực hiện cam kết không dạy thêm trái quy định ngoài nhà trường.

- Hiệu trưởng ban hành kế hoạch đảm bảo thủ tục hồ sơ thực hiện theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành về dạy thêm, học thêm.

3. Quản lý và sử dụng sách tham khảo

Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị số 643/CT-BGDĐT ngày 10/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng sách giáo khoa và sách tham khảo trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Số sách đảm bảo phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra

- Thực hiện đúng kế hoạch kiểm tra nội bộ đã được Sở GD - ĐT phê duyệt: kiểm tra toàn diện 28 giáo viên (xếp loại tốt 28); kiểm tra chuyên đề 34 giáo viên (xếp loại tốt 30; khá 04). Kết quả chuyên môn: Dự giờ 889 tiết; thao giảng 93 tiết; hội giảng 14 tiết; báo cáo được 25 chuyên đề cấp trường, 01 chuyên đề cấp tỉnh (môn HĐTNHN); tự làm 145 đồ dùng dạy học, sử dụng 5523 lượt; 879 tiết giáo án điện tử; 612 tiết bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 11, bồi giỏi máy tính cầm tay 156 tiết.

- Kiểm tra các chuyên đề về: cơ sở vật chất thiết bị dạy học. Kết quả: không có trường hợp vi phạm.

- Tổ chức tiếp cha mẹ học sinh, kịp thời giải đáp những thắc mắc, không có khiếu nại, tố cáo tại đơn vị.

- Công tác thanh kiểm tra được thực đúng theo kế hoạch nhà trường, đảm bảo thực hiện đúng theo quy trình.

- Tuy nhiên công tác thanh kiểm tra đôi lúc còn trễ so với quy định, do công việc nhiều, nghỉ lễ tết nên thực hiện không đúng theo kế hoạch đề ra.

5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

a) Về việc tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, Kỳ thi chọn học sinh giỏi tại địa phương.

- Trường xây dựng kế hoạch và chuẩn bị tốt về cơ sở vật chất và đội ngũ quản lý phục vụ nhằm tổ chức tốt nhất kỳ thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025

- Trường tham gia tốt kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh năm học 2024-2025 tại trường Trần Văn Long. Tổng số học sinh tham gia cuộc thi 60 học sinh. Kết quả đạt 21 giải gồm 1 giải nhì, 01 giải ba và 19 giải khuyến khích. So với năm học 2023-2024 học sinh giỏi cấp tỉnh tăng 9 giải.

Tham gia cuộc thi giải toán máy tính cầm tay cấp tỉnh đạt 03 giải khuyến khích (Môn Sinh 03 kk)

Tham gia thi Hùng biện Tiếng Anh đạt giải ba toàn đoàn

02 học sinh đạt giải khuyến khích OLYMPIC hóa trường Đại học Trà Vinh

01 học sinh đạt giải ba tin học trẻ không chuyên năm học 2024-2025

Tham gia hội thao cấp tỉnh: đạt 1HCV;01HCD môn bơi lội

b) Việc tuyển sinh đầu cấp đối với lớp 10.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch và quy chế tuyển sinh đúng theo quy định.

c) Về việc tổ chức Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học tại địa phương: Trường tổ chức tham gia tốt cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học tại trường tham gia thi cấp tỉnh với 03 sản phẩm dự thi.

d) Các cuộc thi khác (nếu có)

Tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh: Đạt 01 khuyến khích

Tham gia cuộc thi học sinh với ý tưởng, dự án khởi nghiệp 2024: Đạt 01 khuyến khích

6. Công tác thi đua, khen thưởng – xã hội hóa giáo dục.

- Hội đồng thi đua khen thưởng làm việc đúng quy chế; các danh hiệu thi được đăng ký từ đầu năm học. Đầu năm học trường có tổ chức cho các cá nhân đăng ký chỉ tiêu thi đua đúng theo quy định.

Tuy nhiên quy định việc xét danh hiệu thi đua còn giới hạn về chỉ nêu nên trong việc xét cuối năm còn gặp nhiều khó khăn trong việc tạo động lực cho giáo viên phấn đấu.

- Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục:

Năm học 2024-2025 trường vận động tổng số 53.300.000đ từ các tổ chức cá nhân để trao cho những em học sinh khó khăn vươn lên học giỏi.

Vận động được 1.100 quyển tập để khen thưởng học sinh cuối năm học 2024-2025.

- Phối hợp trao 02 góc học tập cho 02 học sinh có hoàn cảnh khó khăn vượt khó trong học tập (2.250.000 đồng)

- Vận động từ các chi đoàn lớp trao được 60 áo xuân với tổng số tiền 11.784.000 đồng.

7. Thực hiện Đề án. “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”

trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Công tác xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án số 04/ĐA-SGDĐT ngày 24/11/2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và công tác triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 11/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng *đối với công tác đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh*.

- Thực hiện tốt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” nhà trường tiếp tục thực hiện phần mềm quản lý nhà trường (VnEdu) vì đây là nội dung quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả việc triển khai việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành GDĐT, đáp ứng việc đổi mới trong việc quản lý dạy học và quản trị nhà trường. Thực hiện Chữ ký số cá nhân (VNPT SmartCA) được áp dụng trong năm học 2023-2024; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo. Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, Công văn số 1559/SGDĐT-GDTrH ngày 29/10/2020 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện hồ sơ quản lý, hồ sơ chuyên môn trong trường trung học. - Triển khai và thực hiện tốt Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 11/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng *đối với công tác đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh*. Lãnh đạo nhà trường tổ chức triển khai trong toàn thể hội đồng sư phạm nhà trường và các tổ trưởng chuyên môn về Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 11/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng *đối với công tác đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh*. Xây dựng kế hoạch cam kết thực hiện đạt các chỉ tiêu đề ra của năm học 2023-2024 nhất là về phổ điểm TNTHPT năm 2024.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường THPT Tập Sơn, nhà trường công khai đến lãnh đạo, phụ huynh học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2025-2026.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- HĐSP;
- Trang Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Tăng Hoàng Triều